

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
DANH MỤC CÁC BẢNG	10
DANH MỤC CÁC HÌNH	12
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	14
LỜI NÓI ĐẦU	17
 CHƯƠNG I. THỰC TRẠNG XUẤT KHẨU VŨ KHÍ TOÀN CẦU ĐẦU THẾ KỶ XXI	 23
1.1. Tình hình xuất khẩu	23
<i>1.1.1. Quy mô xuất khẩu</i>	23
<i>1.1.2. Chứng loại vũ khí xuất khẩu</i>	27
1.2. Thị trường cung cấp vũ khí	30
<i>1.2.1. Các nước xuất khẩu truyền thống</i>	31
<i>1.2.2. Các nước xuất khẩu mới nổi</i>	32
1.3. Xu hướng dịch chuyển của các dòng vũ khí xuất khẩu	35
<i>1.3.1. Theo quốc gia</i>	35
<i>1.3.2. Theo khu vực</i>	37
1.4. Nhân tố làm gia tăng xuất khẩu vũ khí toàn cầu	49
<i>1.4.1. Căng thẳng địa chính trị thúc đẩy gia tăng giao dịch vũ khí toàn cầu</i>	49
<i>1.4.2. Chi tiêu quốc phòng của thế giới tiếp tục tăng</i>	52
<i>1.4.3. Biến động về giá dầu</i>	55
<i>1.4.4. Tiến bộ công nghệ vũ khí kích thích hiện đại hóa quân sự và nhập khẩu vũ khí</i>	58

1.4.5. <i>Cú hích từ phía cung</i>	59
CHƯƠNG II. THỰC TRẠNG XUẤT KHẨU VŨ KHÍ CỦA HOA KỲ ĐẦU THẾ KỶ XXI	60
2.1. Vị thế xuất khẩu số một của Hoa Kỳ trên thị trường vũ khí toàn cầu	60
2.1.1. <i>Về thị phần xuất khẩu</i>	60
2.1.2. <i>Về chủng loại vũ khí xuất khẩu</i>	61
2.1.3. <i>Kim ngạch xuất khẩu</i>	64
2.2. Cơ cấu thị trường xuất khẩu vũ khí của Hoa Kỳ	67
2.2.1. <i>Sự đa dạng về thị trường xuất khẩu</i>	67
2.2.2. <i>Về quy mô thị trường</i>	68
2.2.3. <i>Về giá trị kim ngạch</i>	73
2.3. Cơ cấu thị trường khu vực xuất khẩu vũ khí của Hoa Kỳ	75
2.3.1. <i>Tình hình chung</i>	75
2.3.2. <i>Khu vực Trung Đông</i>	76
2.3.3. <i>Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương</i>	88
CHƯƠNG III. NGÀNH CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG CỦA HOA KỲ	106
3.1. Vai trò của ngành công nghiệp quốc phòng của Hoa Kỳ	106
3.2. Lịch sử phát triển của ngành công nghiệp quốc phòng Hoa Kỳ	110
3.3. Hoạt động của ngành công nghiệp quốc phòng Hoa Kỳ	119
3.2.1. <i>Tình hình xuất khẩu</i>	119
3.2.2. <i>Vị thế toàn cầu của các công ty quốc phòng Hoa Kỳ</i>	130
3.4. Những khó khăn của ngành công nghiệp quốc phòng và các nhà thầu	136
3.4.1. <i>Giảm ngân sách quốc phòng</i>	136

LỜI NÓI ĐẦU

Vũ khí là loại hàng hóa vô cùng đặc biệt, không phải nước nào muốn cũng mua được. Tính đặc biệt của loại hàng hóa này nằm ở chỗ đây là loại hàng hóa mang tính chiến lược, quyền lực và chính trị, vì vậy các nước sản xuất loại hàng hóa này kiểm soát chúng một cách chặt chẽ, coi xuất khẩu vũ khí là công cụ chính sách phục vụ lợi ích quốc gia của mình. Xuất khẩu vũ khí không chỉ là một vấn đề kinh tế, quân sự, hoặc một thách thức kiểm soát vũ khí, mà xuất khẩu vũ khí hiển nhiên là vấn đề về chính sách đối ngoại.

Dù chỉ chiếm một tỷ trọng nhỏ trong thương mại toàn cầu, nhưng xuất khẩu vũ khí lại luôn thu hút sự chú ý của cả thế giới. Ẩn giấu sau sự dịch chuyển của các dòng vũ khí là những biến động địa chính trị gắn với xung đột, căng thẳng trên toàn cầu, là những mối quan hệ liên minh ngầm, là chính sách đối ngoại của cả nước bán và nước mua. Quan sát xu hướng biến đổi của thị trường vũ khí giúp chúng ta hiểu rõ hơn những biến động trong tình hình thế giới, những thay đổi các động cơ kinh tế, chính trị của nhiều chủ thể.

Là công cụ chính sách đối ngoại, xuất khẩu vũ khí không chỉ bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi các sự kiện địa chính trị quốc tế, mà còn chịu sự kiểm soát của nhà nước qua các cân nhắc chính trị trong nước. Mục đích chính của việc kiểm soát xuất khẩu vũ khí của các chính phủ không phải là nhằm cấm hoặc hạn chế buôn bán vũ khí thông thường, mà để tạo điều kiện cho việc phân phối vũ khí đến đúng chủ thể cần nhận, tránh nguy cơ bị rơi vào tay các đối tượng không mong muốn, dẫn tới hậu quả đe dọa lợi ích quốc gia.

Bước vào đầu thế kỷ XXI, trái với dự đoán về sự suy giảm quy mô buôn bán vũ khí toàn cầu do kết thúc chiến tranh lạnh hay ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế, thế giới chứng kiến một xu hướng đáng lo ngại khi xuất khẩu vũ khí toàn cầu bước vào chu kỳ tăng trưởng mới. Một trong những động lực chính đằng sau sự tăng trưởng này là sự phát triển xuất khẩu vũ khí của Hoa Kỳ, nâng thị phần của nước này lên tới 40% tổng giao dịch vũ khí toàn cầu trong năm 2017. Dù giữ vị trí chi phối thị trường, Hoa Kỳ cũng gặp phải sự cạnh tranh gay gắt từ các nhà cung cấp khác. Để đảm bảo lợi thế thống trị thị trường vũ khí, cũng như đảm bảo những lợi ích kinh tế - an ninh khác mà xuất khẩu vũ khí mang lại, các chính quyền ở Hoa Kỳ luôn phải điều chỉnh chính sách xuất khẩu vũ khí cho phù hợp.

Quy định và thực hiện quy định chính sách xuất khẩu vũ khí đã trở thành một vấn đề chính trị đối nội và chính sách đối ngoại quan trọng của Hoa Kỳ. *“Chừng nào còn tồn tại những thách thức đe dọa lợi ích quốc gia của Hoa Kỳ, chừng đó viện trợ an ninh [quân sự], hoặc việc chuyển giao vũ khí và cung cấp trợ giúp kinh tế vì những lý do an ninh sẽ vẫn dẫn dắt chính sách an ninh quốc gia và chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ. Viện trợ an ninh [quân sự] phục vụ lợi ích của Hoa Kỳ bằng cách hỗ trợ các đồng minh và bạn bè có được và duy trì khả năng tự vệ”*¹. Các nhà hoạch định chính sách của Hoa Kỳ hoàn toàn hiểu rõ xuất khẩu vũ khí ảnh hưởng đến an ninh quốc gia của họ như thế nào. Những lợi ích kinh tế và an ninh mà xuất khẩu vũ khí mang lại khiến đây trở thành công cụ chính sách hữu hiệu của Hoa Kỳ, luôn được các chính quyền tận dụng triệt để. Phân tích, đánh giá chính sách và những thay đổi chính sách xuất khẩu vũ

1. Robert E. Trapp, ed., *The Management of Security Assistance* (Wright-Patterson AFB: Defense Institute of Security Assistance Management, 1983), 1-10, quoted in Craig M. Brandt, ed., *Military Assistance And Foreign Policy* (Wright-Patterson AFB: Department of the Air Force Air University, 1989), 1.

CHƯƠNG I.

THỰC TRẠNG XUẤT KHẨU VŨ KHÍ TOÀN CẦU ĐẦU THẾ KỶ XXI

1.1. Tình hình xuất khẩu

1.1.1. Quy mô xuất khẩu

Theo Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, giao dịch vũ khí chỉ chiếm gần 1% thương mại toàn cầu¹. Tuy có quy mô khiêm tốn, nhưng giao dịch vũ khí thông thường hiện là một trong những lĩnh vực phát triển năng động nhất của thương mại toàn cầu. Bất chấp cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 đã làm đình trệ nhiều ngành công nghiệp trên toàn thế giới và làm giảm chi tiêu của các chính phủ, quy mô giao dịch vũ khí toàn cầu đã tăng đều đặn trong suốt hơn một thập kỷ qua. Viện Nghiên cứu hòa bình Stockholm (SIPRI) ước tính tổng giá trị của vũ khí toàn cầu giao dịch trong năm 2015 đạt ít nhất là 94,5 tỷ đô la vào năm 2014 và 91,3 tỷ đô la trong năm 2015. Perlo-Freeman (2017)² cũng đưa ra con số ước tính trung bình khoảng 95 tỷ đô la một năm trong giai đoạn 2012 - 2015, gần tương đương với các ước tính của SIPRI. Tuy nhiên, con số giao dịch thực tế có thể là cao hơn³ do

-
1. World Military Expenditures and Arms Transfers (WMEAT), “WMEAT 2016 Introduction and Overview”, Washington, D.C., December 2016.
 2. Perlo-Freeman, Sam (2017), *How big is the International Arms Trade?*, World Peace Foundation, <https://sites.tufts.edu/wpff/files/2018/08/How-big-is-the-International-Arms-Trade-20180725-f.pdf>
 3. SIPRI yearbook 2017, <http://www.sipriyearbook.org/view/9780198811800/sipri-9780198811800-chapter-10-div1-54.xml>

số liệu của các quốc gia về buôn bán vũ khí rất nghèo nàn, không đầy đủ.

Giao dịch vũ khí quốc tế đã trải qua một số thay đổi rất lớn trong những thập kỷ qua. Khối lượng giao dịch vũ khí thế giới dao động mạnh kể từ khi kết thúc chiến tranh thế giới lần thứ hai. Trong giai đoạn chiến tranh lạnh, khối lượng giao dịch vũ khí thế giới gần như tăng liên tục cho đến giữa những năm 1980. Hòa dịu trong quan hệ Đông - Tây vào cuối thập kỷ 1980 và kết thúc của chiến tranh lạnh vào đầu những năm 1990 đã làm giảm đáng kể lượng vũ khí giao dịch trên thế giới. Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu về sự sụt giảm mạnh trong thương mại vũ khí do sự kết thúc của chiến tranh lạnh và gần đây là do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính toàn cầu đã bị chứng minh là sai¹.

Nhìn vào bức tranh toàn cầu, khối lượng chuyển giao vũ khí trên thế giới quả thật đã bắt đầu giảm trong những năm cuối của chiến tranh lạnh, rơi xuống mức thấp nhất vào năm 2002, xấp xỉ 39% mức cao nhất trong chiến tranh lạnh. Nhưng xu hướng này đã thay đổi hoàn toàn. Kể từ năm 2002, trừ một số trường hợp ngoại lệ, lượng vũ khí giao dịch dần tăng lên, tạo thành xu hướng tăng nhất quán trong cả giai đoạn 2002 - 2017, với tỷ lệ tăng trưởng lũy kế bình quân hàng năm đạt 3,7%. Số lượng vũ khí thông thường giao dịch trên thị trường quốc tế trong giai đoạn 5 năm gần nhất 2013 - 2017 đã tăng 10% so với giai đoạn 5 năm trước 2008 - 2012, tiếp nối đà tăng trưởng liên tục bắt đầu diễn ra kể từ đầu những năm 2000².

1 Jackson, S. T. (2013), "The SIPRI top 100 arms-producing and military services companies 2010". *SIPRI (ed.), SIPRI Yearbook* (2013), 1.

2. Tính theo số liệu từ SIPRI, <https://www.sipri.org/databases>

CHƯƠNG II.

THỰC TRẠNG XUẤT KHẨU VŨ KHÍ CỦA HOA KỲ ĐẦU THẾ KỶ XXI

2.1. Vị thế xuất khẩu số một của Hoa Kỳ trên thị trường vũ khí toàn cầu

2.1.1. Về thị phần xuất khẩu

Sự thống trị của Hoa Kỳ trong các thị trường vũ khí toàn cầu đã được duy trì kể từ trong chiến tranh lạnh tới nay. Từ năm 2000 đến năm 2017, bình quân mỗi năm lượng vũ khí xuất khẩu của Hoa Kỳ chiếm 32% lượng vũ khí xuất khẩu toàn cầu (xem Hình 2.1). Riêng trong năm 2017, tỷ lệ này tăng lên tới 40% khối lượng vũ khí xuất khẩu toàn cầu. Nhưng vị trí xuất khẩu số 1 của Hoa Kỳ không phải là bất biến, mà vẫn có nguy cơ bị đối thủ đứng ở vị trí thứ hai là Nga đuổi sát nút trong các giai đoạn 2001 - 2004 hay 2011 - 2013. Thậm chí, trong năm 2002 và 2013, quy mô xuất khẩu vũ khí của Nga còn lớn hơn của Hoa Kỳ. Các nước như Trung Quốc, Đức, Pháp và Anh tuy vẫn là những nước xuất khẩu vũ khí quan trọng, nhưng họ vẫn chưa thể vượt qua cái bóng của Nga và Hoa Kỳ về khối lượng vũ khí xuất khẩu. Có thể nói xuất khẩu vũ khí là một trong số các lĩnh vực sản xuất nổi bật giúp duy trì vị thế lãnh đạo thế giới của Hoa Kỳ. Hơn nữa, ưu thế vượt trội của Hoa Kỳ trong xuất khẩu vũ khí dường như sẽ vẫn tiếp tục, với các đơn đặt hàng xuất khẩu hàng chục tỷ đô la mỗi năm vẫn đang chờ được chuyển giao.

Nhưng Hoa Kỳ gặp phải một vấn đề đáng lo ngại khi có 6 hạng mục vũ khí đang mất dần lợi thế khi tốc độ tăng trưởng và tỷ trọng trong doanh thu toàn cầu giảm. Vũ khí hải quân là mặt hàng mất lợi thế lớn nhất khi tốc độ tăng trưởng giảm 31,2% và thị phần toàn cầu thu hẹp 16,3%. Động cơ có tốc độ tăng trưởng giảm 30% và thị phần toàn cầu thu hẹp 12,2%. Cảm biến có tốc độ tăng trưởng giảm 31,8% và thị phần thu hẹp 10,9%. Pháo tốc độ tăng trưởng giảm 26,8% và thị phần giảm 3,8%. Còn tàu là lĩnh vực xuất khẩu kém cạnh tranh nhất của Hoa Kỳ có tốc độ tăng trưởng giảm lớn nhất 39,3% và thị phần toàn cầu tiếp tục thu hẹp thêm 2,6%. Hoa Kỳ đang chịu sự cạnh tranh gay gắt của Nga trong xuất khẩu hệ thống phòng không. Hoa Kỳ không chỉ yếu thế hơn Nga trong xuất khẩu tàu mà còn bị Trung Quốc qua mặt. Trong giai đoạn 2009 - 2016, xuất khẩu tàu của Trung Quốc tăng hơn 78%, thị phần mở rộng thêm 9%. Tình hình xuất khẩu kém này trái ngược với thực tế lực lượng hải quân và tàu chiến hùng mạnh của Hoa Kỳ. Nó cho thấy: (1) tàu của Mỹ mạnh nhưng chưa phù hợp với nhu cầu của khách hàng, nhất là khách hàng ở châu Á - Thái Bình Dương cần lực lượng tàu nhỏ, cơ động hơn; (2) sự tập trung của Mỹ vào thị trường vũ khí Trung Đông với địa hình sa mạc trong thời gian qua; (3) nguy cơ kém cạnh tranh tại thị trường vũ khí châu Á - Thái Bình Dương khi khu vực này đang tập trung vào giải quyết đe dọa về hàng hải; (4) khi sự chuyển hướng chuyển sang khu vực châu Á - Thái Bình Dương trong thế kỷ XXI, nhu cầu vũ khí phục vụ hàng hải tăng, Hoa Kỳ cần có sự điều chỉnh phù hợp.